

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 18/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 21/5/2020  
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Được, bà Phạm Thị Phiến

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:*  
Bà Trần Thị Thủy Hằng -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2020 về tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXX-ST ngày 01/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **bà Trần Thị Tuyết D**, sinh năm 1981 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

*Bị đơn:* **ông Trương Quang T**, sinh năm 1978 (*vắng*)

Cùng nơi cư trú: ấp 3, xã Tân Thành, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết D trình bày:*

Tôi và ông Trương Quang T tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 2001, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông T thường ăn nhậu về kiếm chuyện chửi bới, nhiều lần còn đánh đập tôi. Vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Vì con chung, tôi đã cố gắng nhẫn nhịn để giữ hạnh phúc gia đình nhưng càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng nên tôi không thể chịu đựng

thêm. Nếu tiếp tục tôi sợ mâu thuẫn vợ chồng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của các con. Hiện chúng tôi đã sống ly thân. Hiện tôi đã bỏ lên Lâm Đồng sinh sống. Thời gian sống ly thân, tôi đã suy nghĩ rất kỹ, tôi không thể chịu đựng thêm nữa vì cuộc sống chung của chúng tôi không còn hạnh phúc, hôn nhân giữa tôi và ông T không thể kéo dài, do vậy, tôi mong muốn Tòa án giải quyết cho tôi được li hôn với ông T

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 03 con chung là Trương Phi H, sinh năm 2002, Trương Quốc C sinh năm 2009 và Trương Đình C, sinh năm 2015. Hiện do cháu H đã trưởng thành nên tôi không có yêu cầu gì, tôi chỉ yêu cầu nuôi hai cháu con Trương Quốc C sinh năm 2009 và Trương Đình C, sinh năm 2015. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Quang T: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập cùng các văn bản của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông T lên Tòa án làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa hôn nhân sơ thẩm nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ các quy định của thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện theo quy định tại điều 70, 72, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Cuộc sống chung của bà D và ông T có mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án thì yêu cầu về ly hôn của bà D có cơ sở để được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội Đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp về ly hôn*” do nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết D khởi kiện. Bị đơn ông Trương Quang T có nơi cư trú tại ấp 3, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ hợp lệ giấy triệu tập cùng các văn bản của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định đưa

vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông T lên Tòa án làm việc, tham gia phiên họp và hoà giải, tham gia phiên tòa hôn nhân sơ thẩm nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Việc ông T không đến Tòa để tham gia tố tụng là đương nhiên từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; căn cứ vào điều 72, điều 199, điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, vào sổ đăng ký kết hôn số 70, ngày 27/8/2001. Căn cứ điều 8 và điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Do vậy bà D có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T là có căn cứ.

Xét yêu cầu xin được ly hôn với ông T của bà D thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã khuyên bà D hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ chung sống với ông T nhưng bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T. Vì bà cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông T thường ăn nhậu về kiếm chuyện chửi bới, nhiều lần còn đánh đập bà dẫn đến cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau. Bà và ông T đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay bà và ông T đã sống ly thân với nhau. Đối với bị đơn ông Trương Quang T trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông T biết được bà D yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không đến Tòa án để thể hiện ý chí nguyện vọng hàn gắn gia đình cũng như đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của mình. Do vậy, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và cùng có trách nhiệm chung với gia đình, nhưng trong cuộc sống chung của bà D và ông T có những mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

[3.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống bà D, ông T có các con chung là Trương Phi H, sinh năm 2002, Trương Quốc C sinh năm 2009 và Trương Đình C, sinh năm 2015. Cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là Trương Quốc C và Trương Đình C. Do cháu C còn nhỏ, hiện cháu đang ở với bà D, cháu C đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện cháu đang ở với mẹ nên yêu cầu của bà D là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3].Án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

*Tuyên xử:*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết D.

Bà Trần Thị Tuyết D được ly hôn với ông Trương Quang T (*Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng , thành phố Đồng Xoài, Bình Phước, vào sổ đăng ký kết hôn số 70, ngày 27/8/2001*).

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao hai con là Trương Quốc C sinh năm 2009 và Trương Đình C, sinh năm 2015 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí: Bà D phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0025687 quyền số 000514 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố Đồng Xoài.

Quyền kháng cáo: bà D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Xoài;
- UBND xã Tiến Hưng;
- Người tham gia tố tụng; - Lưu HS-VP.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**PHAN THỊ MỸ DUNG**